

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119 /2020/DS-PT

Ngày: 27 - 5 - 2020

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thanh Phong

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 404/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 78/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Kim H, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: số X, tổ Y, khu phố Z, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Đoàn Minh P, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Thanh H1– VPLS Trần Thanh H1– Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang; (có mặt)

Địa chỉ: số Z, đường R, Phường Z, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969; (có mặt)

2/ Chị Đoàn Thị Cẩm T, sinh năm 1986; (vắng mặt)

3/ Anh Đoàn Phương T1, sinh năm 1991; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Mai Thanh P1, sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Trần Đình P2, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: số A – HTC, phường I, Thành phố M, Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thị Kim H, bị đơn anh Đoàn Minh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Đặng Thị Kim H trình bày:*

Do có mối quan hệ tình cảm với nhau nên chị và anh Đoàn Minh P có ý định tiến tới hôn nhân. Chị và anh P bàn bạc sẽ san lấp mặt bằng trên phần đất của anh P tại ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang để cất nhà, sau khi kết hôn sẽ sống chung với nhau tại đây. Sau khi sang lấp mặt bằng xong, vào tháng 2/2017(AL) chị có kêu anh Mai Thanh P1 tiến hành xây cất nhà có diện tích khoảng 100m² trên thửa đất của anh P. Riêng tiền thi công chị đã trả cho anh P1 số tiền 95.000.000 đồng.

Trong quá trình thi công nhà, chị đã mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng vật liệu xây dựng Thanh Tân: 55.725.181 đồng, doanh nghiệp tư nhân Tùng Quân: 49.185.000 đồng, cửa hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội thất Tám Cai 13.700.000 đồng, canh ty trách nhiệm hữu hạn MTV Trần Canh Sơn: 30.140.000 đồng, tháng 3/2017 (AL) chị có thanh toán cho anh Võ Văn Đoàn tiền bơm cát sang lấp mặt bằng tại phần đất của anh P để cất nhà là 40.000.000 đồng, thanh toán cho anh Mai Thanh Sáng số tiền lấp cửa nhôm, kính là 59.000.000 đồng. Tháng 6/2017 (AL) thanh toán cho cơ sở đóng La-phong Thuận Hưng số tiền 16.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị đã bỏ ra để sang lấp, xây cất nhà trên phần đất của anh Đoàn Minh P là 359.550.181 đồng.

Tháng 8/2018 trong thời gian chị đi vắng thì anh P có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác và đưa họ về sống chung trên căn nhà mà chị đã bỏ tiền ra xây dựng, chị đã nhiều lần nói chuyện với anh P thì anh P trở mặt đuổi chị ra khỏi nhà không cho quay về và khẳng định đây là nhà đất của anh P, chị không có quyền lợi trong căn nhà mà chị đã bỏ tiền ra xây dựng. Do đó nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đoàn Minh P phải hoàn trả lại cho chị số tiền mà chị đã bỏ ra san lấp mặt bằng, xây cất căn nhà là 359.550.181 đồng.

** Bị đơn anh Đoàn Minh P trình bày:*

Anh có quyền sử dụng đất 1000m² đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh đứng tên. Do anh và chị H có phát sinh tình cảm, năm 2016 anh có ý định xây cất nhà để ở nên có nói với chị H xuống phụ giúp anh chợ búa và tranh coi nhà cửa. Nay anh có ý kiến đối với yêu cầu của chị H như sau:

- Về hợp đồng xây dựng nhà và thanh toán tiền xây dựng nhà cho anh Mai Thanh P1: Ngày 28/11/2016 anh có gọi anh Mai Thanh P1 đến nhà anh để ký hợp đồng xây dựng nhà, lúc ký hợp đồng có chị H ngồi chung chứng kiến sự việc, khi ký hợp đồng, anh có tạm ứng cho anh P1 5.000.000đồng, các lần anh P1 tạm ứng tiền tiếp theo anh đều là người trực tiếp đưa tiền và anh P1 đều có ký nhận, anh P1 xác nhận chỉ có một vài lần khi anh trả tiền cho anh P1 thì có mặt của chị H chứ chị H không phải là người trực tiếp trả tiền. Tổng số tiền anh P1 đã nhận của anh là 93.000.000 đồng.

- Đối với hóa đơn bán hàng của cửa hàng vật liệu xây dựng Thanh Tân: trên hóa đơn có thể hiện rõ việc đặt cọc, nhận hàng và thanh toán tiền, tổng số tiền hàng 55.752.181 đồng, anh đã thanh toán đủ khi nhận hàng.

- Đối với doanh nghiệp tư nhân Tùng Quân anh là người trực tiếp đặt hàng và thanh toán tiền, có hóa đơn, chứng từ và xác nhận của Doanh nghiệp.

Đối với cửa hàng Vật liệu xây dựng và trang trí nội thất Tám Cai, Canh ty trách nhiệm hữu hạn MTV Công Sơn, tiền bơm cát của anh Võ Văn Đoàn, lắp đặt cửa nhôm, cửa kính của anh Mai Thanh Sáng, tiền trả cho la phong Thuận Hưng tất cả đều do anh trực tiếp thanh toán, giữa anh và chị H cũng không có bất cứ hợp đồng vay mượn nào, anh đã dành dụm tiền nhiều năm để xây cất căn nhà trên. Nay anh không đồng ý trả cho chị H bất cứ khoản tiền nào vì toàn bộ số tiền thanh toán xây cất nhà đều là của anh và căn nhà được xây cất trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh.

** Anh Nguyễn Minh Trường S là đại diện ủy quyền của anh Đoàn Minh P trình bày:*

Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Kim H do tất cả các khoản tiền do chị H kiện đòi là tiền của anh P, đối với các chứng cứ do chị H đưa ra là do phía chị H đi xin lại của các cửa hàng và yêu cầu cửa hàng ghi thêm tên của chị H, bản gốc trước đó các cửa hàng đã đưa cho anh P khi anh P thanh toán tiền. Hợp đồng xây cất ngày 28/11/2016 (AL) do anh P trực tiếp ký với anh Mai Thanh P1, có sự chứng kiến của chị H, nhà xây cất có diện tích 115m² đất do anh P đứng chủ quyền tại ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trong thời gian xây cất nhà anh P có chở chị H đi theo để lựa vật liệu xây dựng do anh P và chị H có quan hệ tình cảm với nhau.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Chị là vợ của anh Đoàn Minh P, vợ chồng chị có 02 người con là Đoàn Thị Cẩm T và Đoàn Phương T1, gia đình chị ở cùng địa chỉ ấp M, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 2001 Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình chị, anh Đoàn Minh P là người đại diện đứng tên đối với thửa đất 1830, tờ bản đồ số 01, diện tích 1090m² tọa lạc tại xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 2010 chị và anh P xảy ra mâu thuẫn nên sống riêng. Năm 2017 anh P có trao đổi với chị về việc cất nhà và chị đồng ý để anh P cất nhà, số tiền anh P bỏ ra cất nhà có một phần là do vợ chồng dành dụm và một phần do anh P thế chấp chủ quyền đất để vay tiền. Anh P và chị H chỉ là

quan hệ bạn bè, vì vậy việc chị H cho rằng đã bỏ tiền ra để xây cất căn nhà cho anh P là không có căn cứ vì đất là thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình chị.

** Anh Đoàn Minh P trình bày:*

Anh là con ruột của anh Đoàn Minh P và chị Nguyễn Thị Đ. Năm 2001 hộ gia đình anh được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1830, tờ bản đồ số 01, diện tích 1090m² tọa lạc tại xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 2010 cha mẹ anh xảy ra mâu thuẫn nên sống riêng với nhau. Năm 2017 anh P có xây cất nhà để ở. Theo anh được biết cô H chỉ quan hệ bạn bè với anh P, Trong thời gian anh P xây cất nhà cô H có xuống một vài lần để phụ anh P lựa chọn vật liệu xây dựng, tiền xây cất nhà là do cha mẹ anh dành dụm và thế chấp chủ quyền nhà để vay tiền cất nhà. Do đó anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của cô H.

Tại phiên tòa, chị Đặng Thị Kim H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Đặng Minh P trả cho chị tiền chi phí cất nhà là 359.000.000 đồng, chị đồng ý bỏ số tiền lẻ và đồng ý trừ lại số tiền anh P đã đặt cọc cho anh Mai Thanh P1 là 5.000.000 đồng, anh Mai Thanh Sáng là 5.000.000 đồng. Như vậy số tiền anh Đặng Minh P phải trả cho chị là 349.000.000 đồng.

Bị đơn anh Đoàn Minh P không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị H do toàn bộ chi phí cất nhà là tiền của anh.

** Người làm chứng anh Mai Thanh P1 trình bày:*

Vào ngày 28/11/2016 (AL) anh có ký hợp đồng thi công công trình nhà ở với anh Đoàn Minh P và chị Đặng Thị Kim H, địa điểm thi công trên phần đất của anh Đoàn Minh P tại ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Số tiền nhận hợp đồng thi công là 93.000.000 đồng, anh nhận trực tiếp từ chị H số tiền 88.000.000 đồng, anh P giao cho anh 5.000.000 đồng lúc ký hợp đồng thi công.

* Bản án dân sự sơ thẩm số bản án dân sự sơ thẩm số: 404/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 166, 274, 275 và 357 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Kim H.

Buộc anh Đoàn Minh P có nghĩa vụ trả cho chị Đặng Thị Kim H số tiền 252.082.000 đồng (*Hai trăm năm mươi hai triệu không trăm tám mươi hai ngàn đồng*) là chi phí chị H trả để xây cất nhà tại ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 02 tháng 12 năm 2019, bị đơn anh Đoàn Minh P kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ngày 11 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn chị Đặng Thị Kim H kháng cáo yêu cầu anh Đoàn Minh P trả tiếp cho chị số tiền 96.918.000 đồng (cụ thể là các khoản tiền đã trả cho: cửa hàng VLXD Tùng Quân; cửa hàng VLXD Trần Công Sơn; tiền đóng la phong).

Tại phiên tòa, anh P, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Anh T1, chị Đ không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị H. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Án sơ thẩm chưa làm rõ một số nội dung như sau: Bút lục 24, 47 do anh P, anh P1 giữ thể hiện có vợ anh P1 nhận tiền không? Anh P khai có vay tiền của anh Nguyễn Văn C1 số tiền bao nhiêu? Chưa đối chất những người làm chứng với anh P, chị H. Không đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tham gia tố tụng. Cấp sơ thẩm chưa thu thập điều tra làm rõ, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm. Do đó, chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của anh P, chị H.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị Cẩm T vắng mặt, đã có lời khai, không kháng cáo, việc vắng mặt chị T không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt chị T.

[2] Năm 2016, anh Đoàn Minh P là chủ sở hữu thửa đất số 1830, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.090m², đất tại ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/01/2001. Do có quan hệ tình cảm với chị Đặng Thị Kim H nên anh P chị H bàn bạc thống nhất sang lắp mặt bằng và cất nhà trên phần đất trên. Đến tháng 8/2017, anh P và chị H phát sinh mâu thuẫn nên chị H khởi kiện yêu cầu anh P phải hoàn trả lại cho chị tổng số tiền san lấp và xây dựng căn nhà là 359.577.781 đồng. Phía anh P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H, vì anh P cho rằng tất cả các khoản chi phí san lấp và xây dựng nhà là do anh trả. Sau khi án sơ thẩm xét xử, anh P và chị H đều có đơn kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Đoàn Minh P, chị Đặng Thị Kim H. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Kim H.

- Tiền mua tấm nhựa trần la phong tại Cửa hàng Thuận Hưng 16.800.000 đồng. Tại tòa phúc thẩm, anh Trần Đình P2 xác nhận anh P là người trả tiền trực

tiếp cho anh Trần Đình P2, còn chị H có đưa tiền cho anh P trả hay không thì anh P không biết. Chị H nói đưa tiền cho anh P trả, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Anh P không thừa nhận có nhận tiền của chị H.

- Tiền mua vật liệu xây dựng gồm: cát, đá, xi măng, gạch ống, sắt,... của Doanh nghiệp tư nhân Tùng Quân mua với số tiền 49.185.000 đồng. Chị H chứng minh có hóa đơn bảng chi tiết vật tư do kế toán doanh nghiệp ghi “Chị H đã thanh toán đủ”(bút lục 08, 09). Tuy nhiên, anh Phạm Hoàng Anh - Chủ doanh nghiệp xác nhận anh P là người thanh toán số tiền trên (bút lục 86). Việc ghi “Chị H đã thanh toán đủ”(bút lục 08, 09) như trên là do sau một năm chị H mới tới yêu cầu xác nhận (bút lục 40). Chị H không có chứng cứ mới chứng minh, anh P không thừa nhận.

- Tiền mua vật liệu xây dựng gồm: Bột bê, sơn trong, sơn lót, sơn ngoài,... Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Trần Công Sơn với số tiền 30.140.000 đồng. Các giao dịch mua bán, giao nhận tiền đều thanh qua kế toán là chị Nguyễn Thị Lễ xác nhận “*Giấy này chị H xin xác nhận lại và ghi thêm phần chị H T.T xong còn tiền hàng mua cát nhà của anh P hay chị H tôi không biết rõ*” (bút lục 11, 53). Chị H cho rằng đã trả nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Chị H kháng cáo yêu cầu anh P trả cho chị H các khoản tiền trên là 96.125.600 đồng, nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới chứng minh. Anh P không thừa nhận, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H.

[3.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Đoàn Minh P không đồng ý trả khoản tiền nào cho chị H, xét thấy:

- Tiền mua vật liệu xây dựng gồm: gạch men dán tường, gạch men lót nền, ốp cột, máng xối,... của Cửa hàng vật liệu xây dựng Thanh Tân với số tiền 55.725.181 đồng. Số tiền này do chị H thanh toán cho anh Nguyễn Thanh Liêm - là nhân viên cửa hàng xác nhận (bút lục 83). Anh P cho rằng, mỗi lần giao hàng anh P đã trả đủ tiền cho người giao hàng cụ thể anh Đặng Giang Châu nhận tiền, nhưng hiện anh P không biết anh Châu ở đâu, cũng không có xác nhận của anh Châu, không có chứng cứ nào khác.

- Tiền mua vật liệu xây dựng gồm: Xi măng, cát xây, cát to,... của Cửa hàng vật liệu xây dựng Tám Cai với số tiền 13.700.000 đồng, chị H là người thanh toán tiền cho cửa hàng (bút lục 07). Anh Bùi Thanh Long - Chủ cửa hàng xác nhận chị H là người trả tiền (bút lục 84).

- Thanh toán tiền cho anh Võ Văn Đoàn bơm cát, san lấp mặt bằng số tiền 40.000.000 đồng, chị H là người đã thanh toán đầy đủ. Anh Đoàn có xác nhận chị H là người trả tiền (bút lục 87A).

Như vậy, các khoản tiền mua vật liệu xây dựng của Cửa hàng vật liệu xây dựng Thanh Tân; Tiền mua vật liệu xây dựng của Cửa hàng vật liệu xây dựng Tám Cai và thanh toán tiền bơm cát, san lấp mặt bằng cho anh Võ Văn Đoàn thì anh P không có chứng cứ gì chứng minh, phía chị H không thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của anh P.

- Ngày 25/02/2017, anh P và chị H thỏa thuận miệng với anh Mai Thanh Sáng lắp cửa nhôm, kính Mai Thanh Sáng với tổng giá trị là 59.630.000 đồng. Cùng ngày thỏa thuận thì anh P đưa tiền đặt cọc cho Sáng là 5.000.000 đồng, anh Sáng, chị H đều thừa nhận. Đồng thời, anh Sáng xác nhận ngày 23/9/2018 chị H đã trả 59.000.000 đồng (bút lục 12); Tại biên bản xác minh ngày 11/6/2019 thì anh Sáng khai chị H trả số tiền là 54.630.000 đồng (bút lục 12). Tuy nhiên, anh P cung cấp Bảng hợp đồng có chữ ký của anh Sáng, thể hiện anh Sáng nhận 02 lần tiền 25.000.000 đồng của anh P, cụ thể ngày 25/02/2017 nhận 5.000.000 đồng; ngày 10/6/2017 nhận 20.000.000 đồng. Như vậy, lời khai của anh Sáng trước sau không thống nhất. Chị H không có chứng cứ gì khác chứng minh là chị đã trả số tiền 54.630.000 đồng. Chứng cứ anh P cung cấp là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của anh P.

- Ngày 28/11/2016 âm lịch, anh P và chị H ký hợp đồng thi công xây dựng nhà với anh Mai Thanh P1 với tổng số tiền thi công thanh toán cuối cùng là 95.000.000 đồng. Anh P, chị H thừa nhận là anh P đưa tiền cho anh P1 lần đầu tiên khi ký hợp đồng với số tiền 5.000.000 đồng. Chị H cho rằng, chị là người thanh toán toàn bộ số tiền còn lại 90.000.000 đồng cho anh P1, chứng cứ thể hiện qua lời xác nhận của anh P1 tại hồ sơ và tại phiên tòa. Anh P cũng cho rằng, anh là người thanh toán toàn bộ số tiền còn lại cho anh P1, chứng cứ thể hiện là anh P còn giữ Hợp đồng có ký nhận tiền của anh Mai Thanh P1 (bút lục 46, 47). Xét thấy, các xác nhận của anh Mai Thanh P1 cụ thể: Xác nhận ngày 19/01/2019 anh P thanh toán tiền vài lần có mặt chị H (bút lục 54); Xác nhận ngày 23/9/2018 thể hiện chị H trả 80%, anh P trả 20% (bút lục 12); Tại biên bản xác minh ngày 12/6/2019 thể hiện chị H giao 88.000.000 đồng, anh P 5.000.000 đồng (bút lục 88). Lời khai của anh P1 trước sau không thống nhất, không chính xác nên không xem là chứng cứ khách quan để xem xét. Chị H không có chứng cứ nào khác ngoài xác nhận của anh Phong, như đã đánh giá trên là không có cơ sở khách quan. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của chị H. Chứng cứ anh P cung cấp là các ký nhận tiền của anh P1 trong hợp đồng có cơ sở thể hiện anh P là người thanh toán tiền cho anh P1, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của anh P.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Kim H; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Đoàn Minh P, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát yêu cầu hủy án sơ thẩm như đã nêu trên là không cần thiết, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn một phần có cơ sở, nên không được chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị H không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm. Anh P không phải chịu án phí phúc thẩm. Anh P, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 166, 274, 275, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của anh Đoàn Minh P.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Kim H.

Sửa bản án sơ thẩm số: 404/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang .

Phân tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Kim H.

Buộc anh Đoàn Minh P có nghĩa vụ trả chi phí xây dựng nhà cho chị Đặng Thị Kim H số tiền 143.425.181 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu Thi hành án nếu anh P chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

- Chị Đặng Thị Kim H phải chịu 10.809.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 8.989.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009213 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên chị H phải nộp tiếp 1.819.750 đồng.

- Anh Đoàn Minh P phải chịu 7.171.259 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí phúc thẩm:

- Hoàn lại anh P 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01521 ngày 02/12/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị H chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01628 ngày 11/12/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như chị H nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các

điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 5 năm 2020 (Có mặt anh P, chị H, anh P1; Các đương sự còn lại vắng mặt)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2020-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn